

Đơn vị: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên
Chương: 419, 019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2027 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (%)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5=(4/3)	6
A	Dự toán thu, chi phí, lệ phí				
	Tổng số thu từ phí, lệ phí	12.797.984.000	18.753.000.000	147%	100%
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ	8.235.740.000	13.256.000.000	161%	100%
	Số nộp NSNN	4.562.244.000	5.497.000.000	120%	100%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	381.148.211.452	326.897.683.846		
1	Nguồn ngân sách trong nước	381.148.211.452	326.897.683.846		
	- Tự chủ	35.671.541.997	34.040.558.048		
	- Không tự chủ	345.476.669.455	292.857.125.798		
	+ Mã nguồn 12 mã ngành 105 (mã chương 419)	169.000.000	152.675.500	90%	100%
	+ Mã nguồn 12 mã ngành 332 (mã chương 419)	1.129.929.000	904.372.327	80%	100%
	+ Mã nguồn 12 mã ngành 341 (mã chương 419)	36.747.347.900	29.433.357.452	80%	100%
	+ Mã nguồn 12 mã ngành 292 (mã chương 419)	143.877.289.000	137.146.753.000	95%	100%
	+ Mã nguồn 12 mã ngành 292 (mã chương 019)	74.425.400.000	70.616.025.000	95%	100%
	+ Mã nguồn 12 mã ngành 294 (mã chương 419)	5.126.604.000	5.043.382.000	98%	100%
	+ Mã nguồn 15 mã ngành 292 (mã chương 419)	43.572.449.000	14.616.570.164	34%	100%
	+ Mã nguồn 12 mã ngành 312 (mã chương 419)	18.449.400.000	14.829.315.600	80%	100%
	+ Mã nguồn 15 mã ngành 312 (mã chương 419)	5.194.538.000	5.194.538.000	100%	100%
	+ Mã nguồn 15 mã ngành 341 (mã chương 419)	2.215.224.000	483.000.000	22%	100%
	+ Mã nguồn 18 mã ngành 341 (mã chương 419)	1.348.390.000	1.216.038.200	90%	100%
	+ Mã nguồn 23 mã ngành 341 (mã chương 419)	13.221.098.555	13.221.098.555	100%	100%
2	Nguồn vốn viện trợ				
3	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2026



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

BÙI ANH TUẤN